

**344(T)/2019 - VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU–
Khu vực thi công nạo vét**

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 105/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4TV001, VN4SD001, VN3GR001, VN300025 (Phiên bản 1, cập nhật ngày 30 tháng 05 năm 2019)

Chèn giới hạn khu vực thi công nạo vét, nét đứt, nổi:

- | | |
|-----|------------------------------|
| (a) | 10°24'03.2" N 107°02'16.9" E |
| (b) | 10°25'31.1" N 107°02'33.3" E |
| (c) | 10°25'34.8" N 107°02'38.5" E |
| (d) | 10°25'41.1" N 107°02'39.5" E |
| (e) | 10°25'58.4" N 107°02'35.7" E |
| (f) | 10°26'07.7" N 107°02'27.8" E |
| (g) | 10°26'48.9" N 107°03'05.5" E |
| (h) | 10°26'52.9" N 107°02'59.6" E |
| (i) | 10°25'52.8" N 107°02'04.4" E |
| (k) | 10°25'40.5" N 107°02'06.5" E |
| (l) | 10°25'32.4" N 107°02'26.2" E |
| (m) | 10°24'20.5" N 107°02'12.8" E |

chú giải, *Khu vực thi công nạo vét*, trong: (a)-(m) như trên

Hải đồ ảnh hưởng –VN300025 (Phiên bản 1, cập nhật ngày 30 tháng 05 năm 2019)

Chèn giới hạn khu vực nhận chìm chất nạo vét, nét đứt, nổi:

- | | |
|-----|------------------------------|
| (a) | 10°14'43.6" N 107°07'41.0" E |
| (b) | 10°14'43.6" N 107°08'50.9" E |
| (c) | 10°14'12.2" N 107°08'50.9" E |
| (d) | 10°14'12.2" N 107°09'11.5" E |
| (e) | 10°13'25.6" N 107°09'11.5" E |
| (f) | 10°13'25.6" N 107°07'41.0" E |

kí hiệu, #, trong (a)-(f) như trên

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)

344(T)/2019 – VIET NAM – BA RIA VUNG TAU SEA PORT WATER – Extraction area

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.105/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4TV001, VN4SD001, VN3GR001, VN300025 (Edition No. 1, updated on May 30th, 2019)

Insert limit of extraction area, pecked line, joining:

- (a) 10°24'03.2" N 107°02'16.9" E
- (b) 10°25'31.1" N 107°02'33.3" E
- (c) 10°25'34.8" N 107°02'38.5" E
- (d) 10°25'41.1" N 107°02'39.5" E
- (e) 10°25'58.4" N 107°02'35.7" E
- (f) 10°26'07.7" N 107°02'27.8" E
- (g) 10°26'48.9" N 107°03'05.5" E
- (h) 10°26'52.9" N 107°02'59.6" E
- (i) 10°25'52.8" N 107°02'04.4" E
- (k) 10°25'40.5" N 107°02'06.5" E
- (l) 10°25'32.4" N 107°02'26.2" E
- (m) 10°24'20.5" N 107°02'12.8" E

legend, *Dredging Area*, into: (a)-(m)above

Chart affected –VN300025 (Edition No. 1, updated on May 30th, 2019)

Insert limit of spoil ground, pecked line, joining

- (a) 10°14'43.6" N 107°07'41.0" E
- (b) 10°14'43.6" N 107°08'50.9" E
- (c) 10°14'12.2" N 107°08'50.9" E
- (d) 10°14'12.2" N 107°09'11.5" E
- (e) 10°13'25.6" N 107°09'11.5" E
- (f) 10°13'25.6" N 107°07'41.0" E

Symbol, #, into (a)-(f) above

(All positions are affected to WGS84 Datum)
